

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 1321/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 9 - 2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Khanh.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 769/2021/TLST-HNGĐ ngày 28/12/2021 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 335/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/8/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 252/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Thúy A, sinh năm 1989; hộ khẩu thường trú: 33/2 ấp M, xã T, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 722/4A đường N, ấp C, xã P, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: 33/2 tổ A, ấp M, xã T, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 20/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Đặng Thị Thúy A trình bày:

Bà và ông Trần Văn T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 21/5/2010 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Hóc Môn. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc do mâu thuẫn với gia đình hai bên, vợ chồng không tin tưởng, không tôn trọng nhau, bà

về nhà cha mẹ ruột tại Củ Chi sinh sống và ly thân với chồng đã lâu, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nên bà xin ly hôn với ông T. Vợ chồng bà có 02 con chung tên Trần Đăng Yên N, sinh ngày 09/9/2011 và Trần Đăng Gia B, sinh ngày 12/6/2018. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ B, đồng ý giao trẻ N cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng không có nợ chung và tài sản chung.

Bị đơn ông Trần Văn T được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn, được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ B, đồng ý giao trẻ N cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho người còn lại, xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử; các đương sự đã được bảo đảm thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình. Về việc giải quyết vụ án: Bà A và ông T chung sống có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp; bà A xin ly hôn do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân và bỏ mặc nhau, vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ; ông T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không có ý kiến phản hồi là không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ; trẻ B đang do bà A nuôi dưỡng, trẻ N đang do ông T nuôi dưỡng; ghi nhận bà A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không có tài sản chung và nợ chung. Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn; Bị đơn cư trú tại huyện Hóc Môn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là ông Trần Văn T đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa kèm các Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan hệ hôn nhân: Căn cứ bản sao Trích lục kết hôn số 607/TLKH-Bs ngày 05/11/2021 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (bà Đặng Thị Thúy A trình bày bản chính Giấy chứng nhận kết hôn do chồng bà là Trần Văn T giữ, không giao cho bà, bà chỉ được cấp lại bản sao Trích lục kết hôn), xác định quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông T là hợp pháp, theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Xét yêu cầu ly hôn:

Bà A trình bày mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông T đã rất trầm trọng, vợ chồng sống ly thân, bỏ mặc nhau trong thời gian dài, vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ, không thể tiếp tục chung sống.

Ông T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến phản hồi là thể hiện việc bỏ mặc mâu thuẫn vợ chồng, không có thiện chí hàn gắn, hóa giải mâu thuẫn, không có giải pháp đoàn tụ gia đình.

Tại biên bản xác minh ngày 19/8/2022, đại diện Ban nhân dân ấp M, xã T, huyện Hóc Môn xác định địa phương không nắm rõ mâu thuẫn vợ chồng do bà A, ông T không trình báo, hiện nay vợ chồng ông T, bà A đã sống ly thân, con chung Trần Đặng Yến N sinh sống với ông T, con chung Trần Đặng Gia B sinh sống với bà A.

Tại phiên tòa, mặc dù đã được động viên đoàn tụ để vợ chồng cùng cố gắng xây dựng hạnh phúc gia đình, chăm lo cho các con nhưng bà A cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông T.

Như vậy, do mâu thuẫn vợ chồng giữa bà A và ông T xảy ra trầm trọng, sống ly thân, không ai có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà A xin ly hôn với ông T là có căn cứ chấp nhận, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung, nuôi con chung và cấp dưỡng: Bà A khai vợ chồng có 02 con chung tên Trần Đặng Yến N, sinh ngày 09/9/2011 và Trần Đặng Gia B, sinh ngày 12/6/2018 là đúng theo bản sao Giấy khai sinh số 311, quyển số 02/2011 ngày 26/9/2011, và bản sao Trích lục khai sinh số 268/TLKS-Bs ngày 20/6/2018 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Hóc Môn. Bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ B, đồng ý giao trẻ N cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp với thực tế bà A đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ B, ông T đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ N, phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, yêu cầu của bà A được chấp nhận. Ghi nhận việc bà A tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: Bà A trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Bà A trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ*”. Ông T được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án nhưng có ý kiến phản hồi, không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến các vấn đề có tranh chấp trong vụ án nên phải tự chịu trách nhiệm. Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà A phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Thúy A:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đặng Thị Thúy A và ông Trần Văn T.

- Về con chung: Giao cho bà Đặng Thị Thúy A trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Đặng Gia B, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2018; Giao cho ông Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Đặng Yến N, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2011; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà Đặng Thị Thúy A và ông Trần Văn T cho đến khi có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về nợ chung: Bà Đặng Thị Thúy A trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Đặng Thị Thúy A trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đặng Thị Thúy A phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0038496 ngày 28/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Bà Đặng Thị Thúy A đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- THADS huyện Hóc Môn;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Huy